

HƯỚNG DẪN HỌC

FAMILY AND FRIENDS 3 (SPECIAL EDITION)

TUẦN 1 (20/9 /2021 - 24/9 /2021)

Unit Starter: Lesson 1&2

L/ Review vocabulary (Ôn từ vựng)

long	short	curly	brown	black
gray	hair	eyes	blonde (vàng óng)	fair (màu nhạt: bạch kim, vàng nhạt)

1/ Các bạn nhìn hình nghe **track 2** (cô gửi kèm) chỉ vào tranh và lặp lại

3 Listen and read. 02

1

Hello. My name's Rosy.
I have brown hair.

2

This is my cousin, Tim.
He has green eyes.

Hello, everyone!

3

I have a little brother. His name's Billy. He's two. He has curly hair.

4

This is Billy's bedroom.

He has lots of teddy bears.

5

Where's Billy?
Is he under the bed?

No, he isn't.

6

Look! This isn't a teddy bear.

It's me! Billy!

2/ Các em đọc các câu xem đúng với mô tả về bề ngoài của Rosy, Billy và Tim không? Khoanh tròn T (True) nếu Đúng hoặc F (False) nếu Sai

2 Circle T (true) or F (false).

1 Rosy has brown hair.

☒ T

F

2 Tim is Rosy's brother.

T

F

3 Tim has brown eyes.

T

F

4 Billy has curly hair.

T

F

5 Billy is four.

T

F

6 Billy is under the bed.

T

F

3/ Các em nghe và lặp lại Track 3 và viết số vào ô vuông trong hình sau:

mom	dad	brother	sister	grandma
grandpa		cousin	aunt	uncle

Ví dụ: số 1 Mom – Viết 1 vào

1

2 ở ô vuông hình nào bên dưới?

3 Listen and number.  03

mom dad brother sister grandma grandpa aunt uncle cousin



4/ Các em đọc lại các tính từ mô tả tóc và mắt của một người

4 Point and say.

long short curly straight brown black gray

This is Rosy's mom. She has curly hair.

This is Rosy's dad. He has ...

Sau đó tập đặt câu mô tả tóc và mắt của một người trong gia đình. Ví dụ : This is **Rosy's** mom. **She has curly** hair. This is Rosy's dad. He has

HOMEWORK

_ Sau khi ôn lại từ vựng và đọc nhiều lần các bạn tập viết mỗi từ 2 dòng (viết từ vựng tiếng anh không viết nghĩa tiếng việt)

_ Làm workbook trang 4&5

Xin lưu ý PH:

- Để giúp các bé tránh thụ động trong việc học bài và làm bài, nhờ PH đọc kĩ lời hướng dẫn của cô và giúp các con làm theo những gì cô hướng dẫn.
- Các bài tập cô cho làm thêm PH yêu cầu bé làm đầy đủ.
- Những phần nào cô yêu cầu “ Bài phải ghi vào vở AV” nhờ PH cho con ghi vào vở AV giúp cô. Đây là những kiến thức con cần lưu lại để ôn bài lúc thi.
- Cô sẽ chỉ hướng dẫn mẫu từng phần cách học như thế nào ở **Unit Starter** và **Unit 1**. Các Unit sau sẽ làm tương tự. Từ **Unit 2** trở đi cô chỉ gửi slide bài dạy trong tiết online lên, các con sẽ ghi vào vở những phần cô ghi “Các bạn ghi vào vở”. Nên các PH lưu ý bé cách học từng phần giúp cô.
Cám ơn PH ạ!

WORKBOOK

Unit Starter: Lesson 1 (page 4)

Các bạn làm Workbook trang 4

Starter

Welcome back!

Lesson One

1 Write.

Tim brown long short Rosy green curly Billy

1



Her name's Rosy.

She has _____ hair.

She has _____ eyes.

2



His name's _____.

He's Rosy's cousin.

He has _____ hair.

He has _____ eyes.

3



His name's _____.

He's Rosy's brother.

He has _____ hair.

2 Find and circle the family words.

mom dad brother cousin grandma grandpa



Unit Starter: Lesson 2

Lesson Two

1 Write your name. Circle the correct word and write. Then draw yourself.

1 My name's _____.

2 I'm _____.

seven eight nine

3 I have _____ hair.

brown black red

4 I have _____ hair.

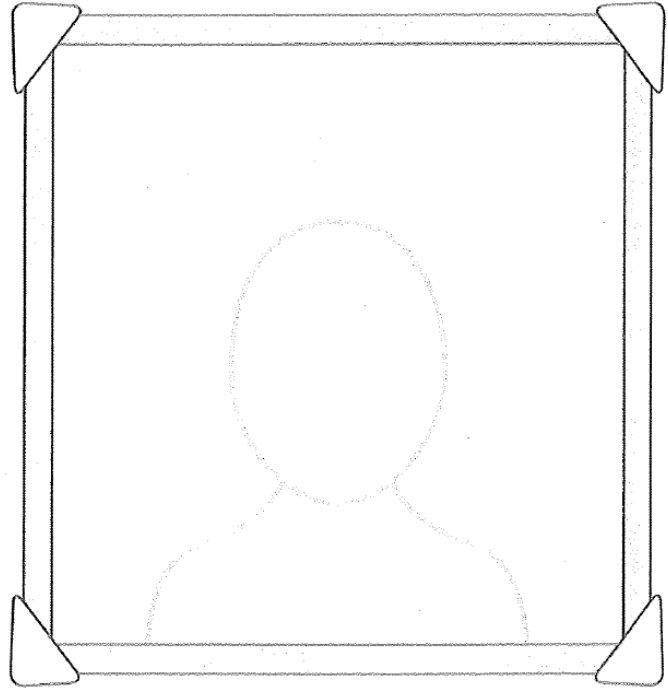
long short

5 I have _____ hair.

straight curly

6 I have _____ eyes.

brown blue gray green



2 Order the words. Match.

a



b



c



1 Rosy's This . mom is This is Rosy's mom. c

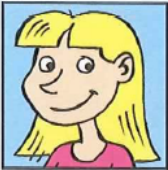
2 dad is This Rosy's . ☐

3 . cousin Tim is Rosy's ☐

Bài tập dành cho các bạn muốn làm thêm: (Các bạn chép bài vào vở và làm)



(A) Write the answers to the questions.



1 What colour's her hair?



2 What's this?



3 What kind of hair has he got?



4 What's this?



5 Is her hair long or short?



6 What kind of hair has she got?

(B) Talk about your hair.

I've got	long	straight	blonde fair red brown	hair.
I have	 <u>short</u>		black grey/gray white	

Have A Nice Lesson!

